TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 30, 25/07 - 29/07/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Ánh dương xuất hiện"

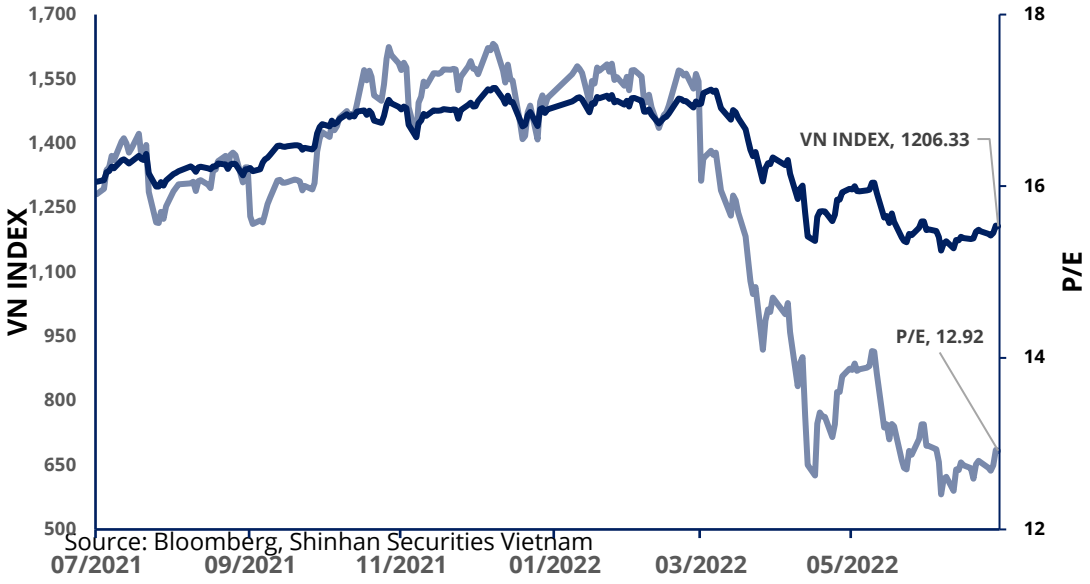
Thị trường chứng khoán toàn cầu trong tuần qua leo dốc khi Cục dự trữ liên bang Mỹ nâng lãi suất 75 điểm cơ bản trong bối cảnh GDP quý 2 của nền kinh tế lớn nhất thế giới đi lùi 0.9% trong quý 2. Tại Mỹ, Chỉ số S&P 500 tăng mạnh 4.1%, Nasdaq Composite trượt dốc 182.89 điểm. Tại châu Âu, chỉ số STOXX Europe 600 đã tăng mạnh 2.96%, chỉ số DAX bứt phá 1.4% trong khi CAC 40 leo dốc 3.73%. Nhịp tăng vừa qua nhờ vào số liệu kinh tế quý 2 tăng trưởng mạnh hơn kỳ vọng và đạt 0.7%. Tại châu Á, thị trường chứng khoán Nhật điều chỉnh nhẹ khi chỉ số Nikkei 225 giảm 0.4% do sự tăng giá của đồng yên. Ngoài ra, lo ngại về một làn sóng Covid-19 mới tại Nhật Bản khiến tâm lý của các nhà đầu tư càng thêm lo lắng. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Trung Quốc hạ nhiệt sau khi cuộc họp cấp cao của Đảng Cộng sản diễn ra. Chỉ số Shanghai Composite giảm 0.5% trong bối cảnh IMF hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế của đất nước này xuống 3.3% từ mức 4.4%

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tuần qua đã phục hồi trở lại với cùng với thanh khoản tăng vọt vào 2 phiên cuối tuần. Kết tuần, chỉ số VN Index tăng 11.57 điểm lên mốc 1206.33. Chỉ số HNX Index giảm nhẹ 1.23 điểm về mức 288.61 điểm, trong khi đó UPCOM tăng 0.11 điểm lên ngưỡng 89.61.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index đã có chuỗi tăng ba tuần liên tiếp và gặp khó khăn khi không thể chinh phục kháng cự MA9 ở vùng 1210-1220 điểm. Thanh khoản của thị trường tăng vọt vào hai phiên cuối tuần nhưng không thể giúp giá trị giao dịch của tuần đạt trung bình 20 phiên. Dự kiến, báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 được công bố trong thời gian tới sẽ quyết định xu hướng của thị trường khi tâm lý của các nhà đầu tư bớt e dè hơn.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,206	1.5	-1.0	-11.7	-18.4		12.9	2.0	205
Upcom Index	90	1.4	0.8	-14.1	-18.3		14.3	1.6	52
HNX Index	289	1.1	2.2	-21.1	-30.7		17.2	1.7	13
VN30 Index	1,232	0.8	-3.3	-13.1	-19.6		10.9	2.0	142
S&P 500 Index	4,130	4.1	8.2	0.0	-6.8		20.4	4.1	36,268
STOXX Europe 600 Index	438	2.8	6.0	-2.7	-5.9		14.8	1.8	12,421
Hang Seng	20,157	-2.0	-8.4	-4.4	-14.4		7.4	0.8	2,742
Nikkei 225	27,802	0.4	3.7	3.6	4.1		19.2	1.7	3,522
SHCOMP Index	3,253	0.1	-3.2	6.8	-3.2		13.4	1.5	6,635
STI Index	3,212	1.0	2.4	-4.3	-1.1		12.7	1.1	359
KOSPI Index	2,452	2.0	3.1	-9.0	-8.0		10.1	0.9	1,435

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 10,294 tỷ giảm 3.2% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa đều có sự tăng trưởng so với tuần trước đó, nhóm large tăng mạnh nhất với 1.1%. Về thanh khoản, cả ba nhóm đều có sự suy giảm, giá trị giao dịch của nhóm midcap và small cap giảm sâu nhất với 8.6% và 10.7%

Các nhóm ngành trong tuần qua có sự phân hóa mạnh. Nổi bật nhất là ngân hàng khi vốn hóa tăng trên 2%. Theo sau là nhóm ngành tài chính khi tăng 1.8%. Ở chiều ngược lại nhóm ngành Dịch vụ tiêu dùng và Nguyên vật liệu trượt dốc sâu nhất trên 2%. Về thanh khoản, nhóm ngành ngân hàng là điểm sáng của thị trường khi giá trị giao dịch tăng 9%. Trong khi đó nhóm ngành dầu khí ghi nhận thanh khoản giảm sút sâu do diễn biến tiêu cực của giá dầu.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	1.1	0.5	-16.8	-0.4	1.3	-16.3	69.2	1.9	12.8	2.1	4,120,591
Mid Cap	0.4	2.6	-21.9	-8.6	-0.6	-20.3	28.8	-1.7	13.4	1.3	594,695
Small Cap	0.2	1.5	-32.8	-10.7	5.5	-24.7	2.0	-0.2	13.6	0.9	74,465

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Ngân hàng	2.1	4.3	-15.3	9.0	4.8	-4.0	17.8	2.0	9.3	1.7	1,522,038
Tài chính	1.8	0.1	-26.1	-2.0	0.4	-12.0	32.5	0.4	20.1	1.9	1,254,813
Hàng Tiêu dùng	1.2	1.3	-11.8	-12.9	-5.7	-13.2	12.9	-1.4	16.7	2.8	621,942
Công nghiệp	0.8	4.6	-16.6	-0.2	9.1	-21.0	12.3	0.4	14.4	1.3	257,176
Tiện ích Cộng đồng	-0.2	-5.6	14.0	-16.7	-23.3	-44.6	2.7	-0.4	14.2	2.2	335,688
Dược và Y tế	-1.1	3.9	-13.5	-25.4	-3.2	-17.5	0.3	-0.1	15.5	2.1	33,717
Công nghệ Thông tin	-1.5	-2.3	1.7	-7.8	14.8	-30.0	1.5	-0.1	18.1	3.1	106,426
Dầu khí	-1.6	1.9	-25.0	-20.6	-12.9	-55.3	0.8	-0.2	25.1	2.1	60,737
Nguyên vật liệu	-2.2	-2.8	-32.1	0.8	5.6	-27.2	14.6	0.6	6.2	1.4	360,648
Dịch vụ Tiêu dùng	-2.3	-7.2	-11.0	-21.9	-7.9	-27.3	4.5	-1.1	n.a	4.5	237,027

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Nhật Bản thu hút được tới 3,435 triệu USD. Theo sau Nhật Bản là thị trường Ấn Độ và Hàn Quốc lần lượt với 565 và 544 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại mua ròng 65 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài bán ròng 3.25 triệu USD, quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF mua ròng 3.44 triệu USD trong khi quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF bán ròng 6.69 triệu USD. Trong khi đó, các quỹ trong nước tuần qua bán ròng 0.58 triệu USD, quỹ DCVFMVN30 ETF FUND bán 3.8 triệu USD trong khi quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF mua 3.22 triệu USD

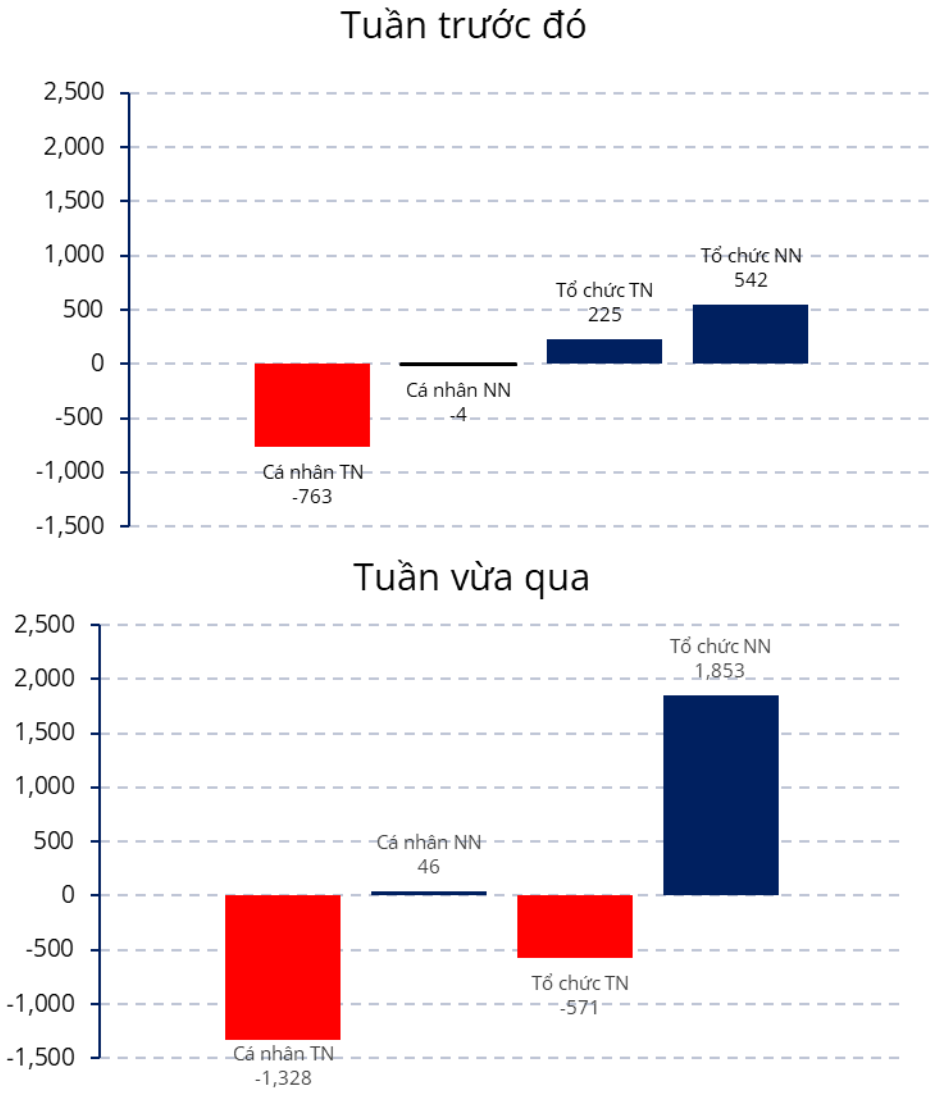
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,803**	**-3.83**	**-1.19**	**86.8**	**94.0**
Nước ngoài	**1,704**	**-3.25**	**-2.85**	**88.7**	**160.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	369	0.00	-12.92	-18.3	-16.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	562	3.44	17.03	165.1	438.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	349	-6.69	-6.69	-37.0	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	262	0.00	1.25	-2.7	-108.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	124	0.00	-1.51	-18.5	-107.4
Premia MSCI Vietnam ETF	22	0.00	0.00	0.0	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,099**	**-0.58**	**1.66**	**-2.0**	**-66.7**
DCVFMVN Diamond ETF	604	0.00	0.00	0.0	-117.2
DCVFMVN30 ETF Fund	318	-3.80	-5.58	-14.8	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	129	3.22	7.24	12.1	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	0.7	40.8
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	565	651	651	-27,905
Indonesia	130	-150	-150	4,118
Nhật Bản	3,435	3,675	3,675	4,248
Maylaysia	25	23	23	1,484
Philippines	10	-80	-80	-855
Hàn Quốc	544	1,363	1,363	-14,724
Sri Lanka	1	2	2	-7
Đài Loan	417	-626	-626	-34,695
Thái Lan	119	128	128	3,570
Việt Nam	65	14	14	-19

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 1,849 tỷ VND. Ở chiều ngược lại, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước bán ròng 1,328 tỷ VND. Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 571 tỷ VND.



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	ST8	Công nghệ Thông tin	9.40 - 26.85	15.7	-37.45%
2	YBM	Tài nguyên Cơ bản	6.55 - 12.15	8.1	-14.01%
3	DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.50 - 38.48	23.8	-13.45%
4	HOT	Du lịch và Giải trí	26.05 - 42.80	29.2	-11.53%
5	SVI	Sản xuất nông nghiệp	62.30 - 86.60	71.0	-11.14%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.15%	12.7	8.67 - 25.60	Dịch vụ tài chính	VDS
22.08%	14.1	8.29 - 34.65	Bất động sản	NVT
20.19%	12.5	5.01 - 48.33	Xây dựng và Vật liệu	PTC
17.51%	27.9	17.50 - 45.00	Xây dựng và Vật liệu	HUB
15.83%	12.5	12.00 - 19.45	Hóa chất	BRC

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SJE	Xây dựng và Vật liệu	16.90 - 43.00	29.4	-27.23%
2	CMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.80 - 41.20	14.1	-25.00%
3	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.50 - 11.80	4.3	-12.24%
4	KSQ	Tài nguyên Cơ bản	2.70 - 10.60	3.6	-12.20%
5	MHL	Tài nguyên Cơ bản	3.10 - 11.20	6.7	-11.84%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
46.15%	89.3	21.00 - 89.30	Tài nguyên Cơ bản	CLM
32.69%	68.6	38.70 - 68.60	Du lịch và Giải trí	TTT
29.27%	9.0	5.06 - 13.54	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTH
28.17%	18.2	13.10 - 23.00	Truyền thông	BST
20.65%	18.7	11.00 - 21.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SEP	Hóa chất	11.80 - 22.00	11.8	-36.90%
2	PJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.70 - 25.60	14.0	-35.19%
3	TBR	Bất động sản	10.00 - 29.00	13.0	-34.67%
4	CQN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.80 - 33.00	19.7	-29.39%
5	DXL	Du lịch và Giải trí	3.70 - 20.50	3.9	-27.78%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.77%	22.7	6.70 - 27.90	Xây dựng và Vật liệu	VTS
42.08%	34.1	7.06 - 34.20	Tài nguyên Cơ bản	NHV
39.13%	12.8	7.60 - 16.90	Thực phẩm và đồ uống	BBM
32.69%	13.8	10.40 - 24.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	VDN
31.18%	34.5	10.80 - 34.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HEP

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	Thực phẩm và đồ uống	1,346	53,745.0	16.6	15.30 - 19.10	-2.1
2	VNS	Ánh Dương Việt Nam	Du lịch và Giải trí	1,003	1,419.5	15.2	8.62 - 15.55	21.6
3	BHN	HABECO	Thực phẩm và đồ uống	140	1,235.7	52.0	50.00 - 69.60	-2.1
4	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	23	670.8	39.3	35.50 - 54.00	1.3
5	CVT	CMC JSC	Xây dựng và Vật liệu	41	332.9	42.0	36.20 - 52.80	7.3
6	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,433	315.5	21.6	13.60 - 22.10	0.0
7	VFG	Khử trùng Việt Nam	Hóa chất	98	278.4	55.9	46.65 - 71.50	11.9
8	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,030	262.7	60.8	47.10 - 68.10	6.7
9	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	291	244.5	36.0	30.20 - 45.65	0.6
10	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	Xây dựng và Vật liệu	4,857	230.0	19.3	6.33 - 26.60	7.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	105.90	-0.77	0.76	2.86	10.70	
VND/USD	23,343	-0.27	0.38	1.63	2.26	
KRW/USD	1,299.25	-1.04	-0.02	3.46	9.28	
JPY/USD	133.27	-2.09	-2.43	2.75	15.81	
EUR/USD	0.98	-0.07	2.17	3.16	11.28	
SGD/USD	1.38	-0.55	-0.95	-0.21	2.34	
CNY/USD	6.74	-0.10	0.65	2.06	6.11	

Hàng hóa

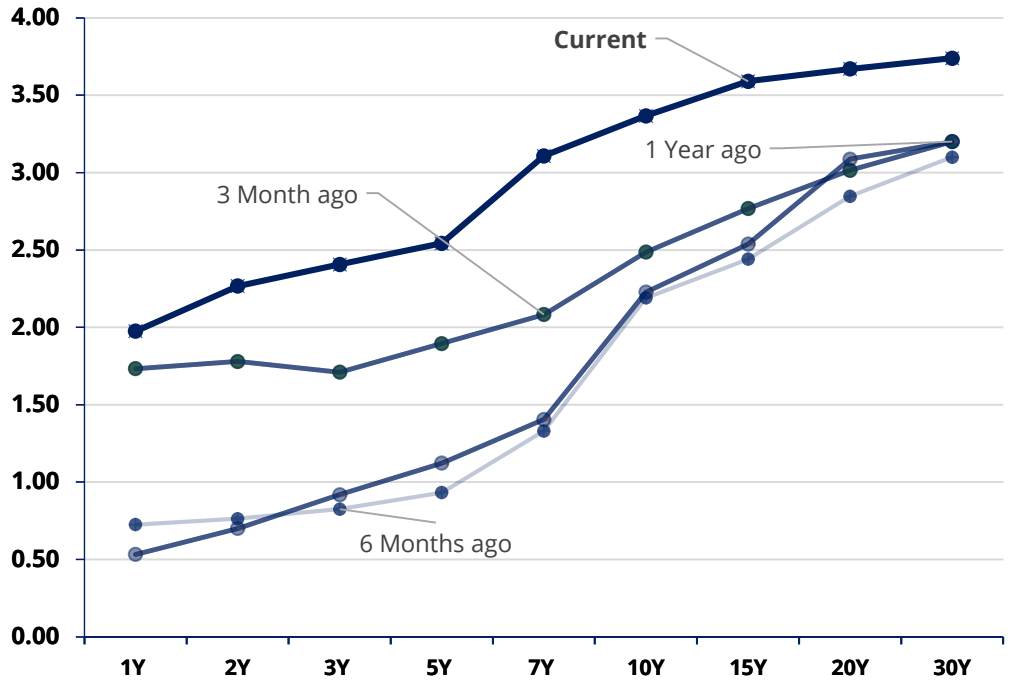
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	98.62	4.14	-10.17	-5.80	31.13	
Xăng	311.32	-3.40	-18.65	-10.34	39.70	
Gas	8.23	-0.84	26.64	13.60	120.62	
Than	405.50	-0.90	6.71	24.16	139.09	
Vàng	1,765.94	2.22	-2.85	-6.91	-3.46	
Bạc	20.36	9.45	-1.86	-10.62	-12.66	
Platinum	899.36	2.57	-2.16	-4.25	-7.16	
Quặng sắt	115.88	9.95	-11.18	-23.14	3.00	
Thép cán	3,959.00	-0.65	-10.41	-22.74	-16.64	
Lúa mì	807.75	6.42	-11.77	-22.61	4.80	
Ngô	616.25	9.22	-19.99	-24.69	3.88	
Gỗ	527.10	-9.94	-16.81	-49.30	-54.08	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.